

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
quy trình nội bộ giải quyết TTHC phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về
việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên
môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ
về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại
Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-
CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ
công quốc gia;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2598/TTr-SVHTTDL ngày 07/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các đơn vị có liên quan căn cứ quy trình ban hành kèm theo Quyết định này, thực hiện thiết lập, tin học hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V4, CB;
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Hcc4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

PHỤ LỤC I
Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

1. Danh mục TTHC cấp xã

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, thời gian, cách thức tiếp nhận & trả kết quả TTHC	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Địa điểm thực hiện: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp cấp xã, phường. 2. Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định). - Buổi sáng: 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút. - Buổi chiều: 13 giờ 30 phút đến 17 giờ. 3. Cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả: - Trực tiếp Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp cấp xã, phường.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. + Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy - Tại các khu vực khác: + Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh.
2	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	1. Địa điểm thực hiện: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường.	- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp các cơ sở đã	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm

			2. Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định). - Buổi sáng: 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút. - Buổi chiều: 13 giờ 30 phút đến 17 giờ. 3. Cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả: - Trực tiếp Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường. - Qua đường bưu điện. - Qua dịch vụ công trực tuyến.	được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng nhưng tổng số mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định - Tại các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng	2019. - Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/02/2021.
--	--	--	---	---	--

PHỤ LỤC II
quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND xã, phường tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Tên TTHC	Quy trình giải quyết nội bộ TTHC
I	LĨNH VỰC VĂN HOÁ	
1	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke - Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<pre> graph TD A([Doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ karaoke]) --> B(Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã * Thời gian thực hiện: ½ ngày) B --> C(Trưởng phòng Văn hoá – Xã hội xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 01 ngày) C --> D(Chuyên viên phòng Văn hoá – Xã hội xã, phường xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 05 ngày) D --> E(Trưởng phòng Văn hoá – Xã hội xã, phường thẩm định hồ sơ * Thời gian thực hiện: 01 ngày) E --> F(Lãnh đạo UBND xã, phường (Ký, phê duyệt) * Thời gian thực hiện: 02 ngày) F --> G(Văn thư UBND xã, phường (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2) G --> H(Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, phường - Bộ phận thu ngân và trả kết quả) H --> A </pre>

2

Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
- **Thời gian giải quyết:** 07 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

